

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành
Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2023/QĐ-ST ngày 13/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 191/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thanh T, sinh ngày 07/3/1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Chị T ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc F, sinh năm 1993; Địa chỉ: đường N, phường H, thành phố T, tỉnh Hải Dương giao nhận tài liệu với Tòa án.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Đức T, sinh ngày 01/8/1989 (vắng mặt)

Nơi thường trú và địa chỉ cư trú cuối cùng của anh T tại Việt Nam: thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nông Thanh T trình bày.

Về hôn nhân: Chị và anh T đăng ký kết hôn ngày 21/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Đức T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Đức Y, sinh ngày 21/3/2010. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông Hoàng Văn L (bố anh T) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Đức T là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 27/10/2023 và 10/11/2023 với Tòa án, ông Hoàng Văn L (bố anh T) cho biết.

Về hôn nhân của anh T, chị T ông cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn chị T về nhà ông làm dâu và chung sống hòa thuận. Chung sống được một thời gian anh, chị phát sinh mâu thuẫn nên chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Tháng 6/2018 anh T đi lao động tại Đài Loan. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh, chị nói là do bất đồng quan điểm sống. Ông có khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để cùng chăm sóc con nhưng không được.

Về con chung: Anh T, chị T có 01 con chung là cháu Hoàng Đức Y, sinh ngày 21/3/2010. Hiện nay cháu Y đang sinh sống cùng gia đình ông và anh T.

Ngoài ra ông cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan anh T sinh sống cùng gia đình tại thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sang Đài Loan anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông đã thông báo cho anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung giữa chị T và anh T, anh T cho biết: anh đồng ý ly hôn với chị T và đề nghị giao con cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng anh T không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, nơi ở và ý kiến bằng văn bản cho Tòa án được.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn L trình bày: Hiện nay cháu Y đang sinh sống cùng ông và anh T. Ông đồng ý nuôi cháu Y giúp anh T trong thời gian anh T lao động tại nước ngoài. Ông xác định việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Y từ khi anh T, chị T ly thân đến nay là quyền và nghĩa

vụ của ông bà đối với cháu nên ông không yêu cầu anh T, chị T phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y.

Cháu Hoàng Đức Y trình bày: Cháu hiện nay đang sinh sống cùng bố và ông nội nên nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở cùng bố và ông nội.

Tại phiên tòa, chị Nông Thanh T, ông Hoàng Văn L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hoàng Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nông Thanh T; Biên bản làm việc với ông Hoàng Văn L, bà Nguyễn Thị Bạt và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 104, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thanh T; xử:

Về hôn nhân: chị Nông Thanh T được ly hôn anh Hoàng Đức T.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Đức Y cho anh Hoàng Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông Hoàng Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước sinh sống.

Chị Nông Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị T khởi kiện xin ly hôn anh T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 26858/QLXNC-P5 ngày 12/10/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh T đã xuất cảnh ngày 29/6/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh T được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh T là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và ông L (bố anh T) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh T ở Việt Nam là: thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh T thông qua gia đình và đề nghị gia đình anh T thông báo cho anh T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị Nông Thanh T và anh Hoàng Đức T. Gia đình anh T cho biết anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thanh T và anh Hoàng Đức T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Đức T.

Xét yêu cầu xin ly hôn anh T của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị T, anh T chung sống hòa thuận nhưng được một thời gian anh, chị phát sinh mâu thuẫn nên chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại Lạng Sơn sinh sống. Tháng 6/2018 anh T đi lao động tại Đài Loan. Mặc dù trong thời gian mâu

thuần, anh, chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo bỏ qua mâu thuẫn để cùng chăm sóc con nhưng không có kết quả. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T và xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị T, anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Đức Y, sinh ngày 21/3/2010. Hiện nay cháu Y đang sinh sống cùng anh T và ông L. Sau khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước sinh sống.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T, Hội đồng xét xử thấy: chị T ở trong nước nhưng đề nghị giao con cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Y trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bố và ông L. Trên thực tế từ khi anh T, chị T ly thân đến nay cháu Y vẫn đang sinh sống cùng anh T và ông L. Tuy anh T đang lao động tại Đài Loan nhưng ông L (bố anh T) đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y thay anh T cho đến khi anh T về nước sinh sống. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu giao anh T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Y sau khi ly hôn nhưng tạm giao cho ông L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước sinh sống của chị T là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Nông Thanh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp chị Nông Thanh T có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nông Thanh T phải chịu 300.000 đồng

án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, chị T, ông L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

[8.2] Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T đang cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nông Thanh T được ly hôn anh Hoàng Đức T.

2. Về nuôi con chung: Giao anh Hoàng Đức T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cháu Hoàng Đức Y, sinh ngày 21/3/2010 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật nhưng tạm giao cho ông Hoàng Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn chị Nông Thanh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nông Thanh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000019 ngày 09/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nông Thanh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nông Thanh T, ông Hoàng Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Hiền